

Số: 36../TB-EPC

CuM'gar, ngày 04 tháng 04 năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Kính trình: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÓK

### PHẦN 1:

#### Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận các ngành trong năm 2024

#### 1. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh cà phê bền vững theo tiêu chuẩn RA cho niên vụ cà phê 2024 -2025

- Diện tích giao khoán cây cà phê là: 207,08 ha.

- Phương thức giao khoán bao gồm 02 dạng là dạng khoán gọn và dạng khoán có đầu tư. Hình thức tổ chức ký hợp đồng giao khoán là ký theo nguyên tắc giao nộp sản phẩm theo hình thức thực thu, nộp hết sản phẩm về cho Công ty sau đó thực hiện ăn chia theo tỷ lệ của từng dạng khoán. (Khoán có đầu tư ăn chia theo tỷ lệ: Công ty 60%, người nhận khoán 40%; Khoán gọn ăn chia theo tỷ lệ: Công ty 30%, người nhận khoán 70%).

- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn chăm sóc cà phê bền vững và theo tiêu chuẩn chứng nhận Rainforest Alliance (RA) với Công ty cổ phần 5CHO. Đối tác sẽ hỗ trợ các dịch vụ như: Xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn RA; thanh tra nội bộ, giám sát khắc phục, phòng ngừa và hoàn thành hồ sơ yêu cầu kiểm tra xác nhận; Tổ chức 22 lớp tập huấn TOT, TOF, FCV cho cán bộ và nông hộ.

- Quy trình chăm sóc theo phương pháp mới: **Thực hành canh tác tốt, canh tác thuận tự nhiên, theo các tiêu chuẩn bền vững (RA, cụm cảnh quan,...):**

+ **Sản xuất có trách nhiệm:** Đã khởi động chương trình sản xuất có trách nhiệm theo tiêu chuẩn RA và cụm cảnh quan bền vững.

+ **Duy trì thảm cỏ che phủ:** cải thiện độ phì đất, độ ẩm đất, bộ rễ và hiện trạng vườn cà phê, không làm sạch cỏ để tránh là suy thoái đất, mất độ ẩm và tổn thương rễ cà phê. Khi thảm cỏ lên tầm 40 - 50 cm (trước khi hạt già) phát cỏ bằng máy chừa gốc cỏ cao 7 - 10 cm

+ **Bón phân:** NPK 20.5.6 +10S + TE ( bón mùa khô theo nước tưới). Đã hướng dẫn quy trình kỹ thuật bón phân hợp lý hơn.

+ **Bón phân:** NPK 16.8.16. Phân bón nuôi trái, bón 3 đợt trong 3 tháng mùa mưa ( đầu, giữa, cuối mùa mưa). Lượng phân bón, theo đánh giá từng vườn cây, xuất khoán về năng suất về tỷ lệ ABC cây trồng. Đã hướng dẫn quy trình kỹ thuật bón phân hợp lý hơn.

+ **Tạo hình hiệu quả:** Cải tiến kỹ thuật tạo hình, đang chuẩn bị áp dụng kỹ thuật tạo hình bàn tay với bấu sinh cành để cải thiện năng suất và tăng hiệu quả canh tác.



+ **Bảo vệ thực vật:** Theo quy trình hiện hành; đã cập nhật kiến thức và tăng cường kỹ năng cho cán bộ đội và nông dân nông cốt thông qua lớp tập huấn TOT.

- Tổng chi phí đầu tư cho vườn cây cà phê chăm sóc bền vững theo tiêu chuẩn RA là trong năm 2024 (thu hoạch năm 2025) là 9.772 triệu đồng (đã bao gồm chi phí khấu hao). Giá thành sản xuất trực tiếp 1 kg cà phê quả tươi bền vững theo tiêu chuẩn RA niên vụ 2024-2025 là: 13.774 đồng/kg.

## **2. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đối với ngành cà phê đã thu hoạch trong năm 2023, tiêu thụ trong năm 2024:**

- Tổng lượng cà phê quả tươi đã thu hoạch niên vụ 2023-2024 nhập kho là:

- Tổng số lượng cà phê tiêu thụ là 223,5 tấn, trong đó:

+ Cà phê sản xuất: 141,2 tấn.

+ Cà phê thu mua: 82,3 tấn.

- Doanh thu ngành cà phê là 22.032 triệu đồng, trong đó:

+ Cà phê sản xuất: 14.127 triệu đồng.

+ Cà phê thu mua: 7.905 triệu đồng

- Lợi nhuận ngành cà phê là: 4.456,8 triệu đồng, trong đó:

+ Cà phê sản xuất: 623 triệu đồng.

+ Cà phê thu mua: 3.833 triệu đồng.

## **3. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh ngành chăn nuôi:**

### **a) Chỉ tiêu toàn đàn:**

- Số bò bê thời điểm 31/12/2023 là: 167 con, trọng lượng 43.108 kg. Thực hiện chỉ tiêu giảm đàn, chọn lọc và duy trì đàn bò với quy mô tầm 100 con vào cuối năm 2024.

- Tăng trọng kế hoạch 12.000 kg.

### **b) Kế hoạch chăm sóc và cải tạo thâm canh đồng cỏ:**

- Vị trí : Lô 3 V36 đội 4.

- Tổng diện tích là: 1,1 ha.

- Tổng chi phí chăm sóc năm 2024:

+ Chi phí tưới nước mùa khô, vật tư chăm sóc: 10.000.000đ

+ Chi phí nhân công chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển về TCN: 30.000.000

- Sản lượng dự kiến thu hoạch là: 200 tấn cỏ. Giá thành kế hoạch là: 200 đồng/kg cỏ.

*(Kèm bảng kế hoạch chi tiết do phòng KHKT xây dựng)*

### **c) Kế hoạch trồng mới bắp sinh khối:**

#### **c1) Vùng 36 đội 4.**

- Diện tích: 3,17 ha ( gồm lô 6&8, trồng xen cà phê tái canh)



- Thời gian trồng tháng 1 & 2/2024
- Thời gian thu hoạch: tháng 4 & 5/2024
- Dự kiến sản lượng: 120 tấn
- Chi phí đầu tư bình quân là: 20 triệu đồng/ha/vụ. Tổng chi phí: 65 triệu.
- Giá thành 1 kg bắp sinh khối là: 540 đồng.

*(Kèm bảng kế hoạch chi tiết phòng KHKT đã xây dựng)*

### **c2) Vùng Ealup đội 3**

- Diện tích: 7,04 ha ( lô 2,3,4, trồng đông đặc)
- Thời gian trồng: tháng 9/2024
- Thời gian thu hoạch: tháng 12/2024
- Dự kiến sản lượng: 210 tấn
- Chi phí đầu tư bình quân là: 20 triệu đồng/ha/vụ. Tổng chi phí: 140 triệu
- Giá thành 1kg bắp sinh khối là: 650 đồng.

*(Kèm bảng kế hoạch chi tiết phòng KHKT đã xây dựng)*

### **d) Kế hoạch tận dụng phụ phế phẩm mới từ các cây ngắn ngày.**

\* Mục tiêu: giảm chi phí đầu vào cho ngành chăn nuôi trong năm 2024.

\* Sản lượng: 310 tấn. Trong đó:

- Xác cây đậu lạc: 150 tấn
- Su hào: 43 tấn
- Bí đỏ: 7 tấn
- Mít: 10 tấn
- Cây bắp (sau thu hoạch hạt): 100 tấn

\* Chi phí thu hoạch, vận chuyển về TCN:

- Gần 100 triệu đồng, góp phần giảm chi phí đầu vào cho ngành chăn nuôi bò, đa dạng hóa về nguồn thức ăn, giúp đàn bò tăng trọng tốt.

### **đ) Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận ngành chăn nuôi:**

- Tổng lượng bò thịt xuất bán kế hoạch là: 32.944 kg, giá bán kế hoạch là 60.000 đ/kg, doanh thu kế hoạch là 1.976 triệu đồng.

- Phân chuồng tồn đầu kỳ và sản xuất ra trong kỳ là 131 tấn, chuyển sản xuất phân vi sinh và phân trùn quế, hạch toán thu giảm trực tiếp 262.000.000 đồng vào chi phí chăn nuôi năm 2024

- Tổng chi phí đầu tư trực tiếp vào ngành chăn nuôi bò là 3.547 triệu. Giá vốn xuất kho bình quân là 94.063,41 đồng/kg.

Chi phí quản lý phân bổ là 448 triệu.

Lợi nhuận kế hoạch ngành chăn nuôi: (-1.570) triệu đồng.

### **4. Kế hoạch sản xuất phân vi sinh:**

Để phục vụ cho việc trồng mới 12,86 ha cà phê tái canh, trồng mới 4,07 ha sầu riêng và các loại cây trồng ngắn ngày khác. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất phân vi sinh như sau. Tổng số lượng sản xuất năm 2024: 218 tấn, trong đó:

- Nguyên liệu là phân bò nguyên chất:  $124\text{m}^3 = 83,48$  tấn
- Trấu cà:  $374\text{m}^3 = 168,98$  tấn
- Tổng chi phí phát sinh là 334.901.397 đồng. Giá thành 1 kg phân vi sinh sản xuất là: 1.572 đồng/kg. Giá bán luân chuyển nội bộ bình quân là 2.100 đồng/kg. Doanh thu kế hoạch 457.800.000 đồng. Lợi nhuận kế hoạch 122.898.603 đồng.

### **5. Kế hoạch nuôi giun quế năm 2024**

Thực hiện dự án hợp tác kinh doanh điện năng lượng kết hợp chăn nuôi. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ không gian dưới mái pin năng lượng để nuôi giun quế để có nguồn phân giun bón lại cho các loại cây ăn trái.

- Diện tích nuôi giun 526 m<sup>2</sup>.
- Tổng chi phí vận hành chăm sóc giun quế năm 2024 là 340 triệu đồng.
- Dự kiến thu hoạch được 54 tấn phân giun và 30 tấn giun sinh khối năm 2024

### **6. Kế hoạch trồng ớt Chỉ Thiên Nông hội**

- Vị trí trồng: Lô 14 A1 đội 5; diện tích: 5,74 ha
- Tổng chi phí theo dự toán là: 2.313 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 357 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 102.960 kg ớt xô. Bình quân 18 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 18.998 đồng/kg.
- Giá bán kế hoạch là 35.000 đồng/kg. Tổng doanh thu dự kiến 3.603 triệu đồng.
- Lợi nhuận kế hoạch là 1.289 triệu đồng.

### **7. Kế hoạch trồng ớt sừng đỏ Chilli bayer**

- Vị trí trồng: Lô 5 vùng 36 đội 5; diện tích: 3,0 ha
- Tổng chi phí theo dự toán là: 1.163,8 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 175,7 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 75.000 kg ớt xô. Bình quân 25 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 12.716 đồng/kg.
- Giá bán kế hoạch là 25.000 đồng/kg. Tổng doanh thu dự kiến 1.875 triệu đồng.
- Lợi nhuận kế hoạch là 711,2 triệu đồng.

### **8. Kế hoạch trồng đậu nành:**

- Tổng diện tích: 67,44 ha, được phân bổ các vị trí khu vực sau:



- + Vùng 40 đội 3: 40,35 ha
- + Vùng tái canh theo diện tích cà phê (26,24 ha): 12,77 ha
- + Vùng A1 trồng xen diện tích sầu riêng (18,58 ha): 8,1 ha
- + Vùng A3 đội 5: 6,22 ha
- Tổng chi phí theo dự toán là: 1.738,5 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 119,68 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 101 tấn. Bình quân 1,5 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 16.138 đồng/kg.
- Giá bán dự kiến là 18.000 đồng/kg. Tổng doanh thu dự kiến 1.818,1 triệu đồng.
- Lợi nhuận kế hoạch là 79,6 triệu đồng (đã trừ chi phí phân bổ)

### **9. Kế hoạch trồng đậu lạc**

- Tổng diện tích: 81,47 ha, được phân bổ các vị trí khu vực sau:
  - + Vùng hồ lô 3 + 81: 4,3 ha. Vùng 83 đội 1: 3,2 ha. Vùng 9.4: 3,0 ha
  - + Vùng tái canh theo diện tích cà phê của đội 4 + 5 (26,24 ha): 12,77 ha
  - + Vùng A1 trồng xen diện tích sầu riêng (18,58 ha): 8,1 ha
  - + Vùng A3 đội 5: 6,22 ha
  - + Vùng 40 đội 3: 40,35 ha. Vùng Ealup đội 3: 7,93 ha
- Tổng chi phí theo dự toán là: 2.398 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 150 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 285 tấn. Bình quân 3,5 tấn tươi/ha.
- Giá thành dự kiến bán tươi: 15.000 đồng/kg. Tổng doanh thu: 4.277 triệu đồng.
- Lợi nhuận kế hoạch là: 1.879 triệu đồng

### **10. Kế hoạch trồng bắp lấy hạt:**

- Vị trí trồng mới, khu vực đất thanh lý khu B và A2 đội 5: 22,84 ha, được phân bổ các lô như sau:
  - + Lô 1 khu B: 0,95 ha
  - + Lô 2 khu B: 7,20 ha
  - + Lô 4 khu B: 6,27 ha
  - + Lô 5 khu B: 7,41 ha
  - + Lô 7 khu A2: 1,01 ha
- Vị trí trồng mới, khu vực đất thanh lý khu A1 đội 4: 21,33 ha, được phân bổ các lô như sau:
  - + Lô 07: 5,91 ha
  - + Lô 08: 4,50 ha

8377  
 IG T  
 PHẢI  
 PHÊ  
 PỒI  
 R - T. F

- + Lô 09: 5,59 ha
- + Lô 10: 5,33 ha
- Tổng diện tích thực trồng: 44,17 ha
- Tổng chi phí theo dự toán là: 1.625 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 55 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 371 tấn. Bình quân 8,4 tấn khô/ha.
- Giá thành kế hoạch: 4.251 đồng/kg
- Giá thành dự kiến bán khô 6.000 đồng/kg. Tổng doanh thu: 2.253 triệu đồng
- Lợi nhuận kế hoạch là: 628 triệu đồng

### **11. Kế hoạch trồng đậu đen xanh lòng**

- Tổng diện tích: 5,09 ha, được phân bổ các vị trí khu vực sau:
  - + Lô 03 vùng 36 đội 4: 5,09 ha.
- Tổng chi phí theo dự toán là: 177,7 triệu đồng. Chi phí phân bổ ( quản lý và lãi vay) là 26 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 7,635 tấn. Bình quân 1,5 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 19.853 đồng/kg.
- Giá thành dự kiến bán 30.000 đồng/kg. Tổng doanh thu: 229 triệu đồng
- Lợi nhuận kế hoạch là: 52 triệu đồng

### **12. Hợp tác kinh doanh điện năng lượng:**

- HĐQT đã đàm phán với đối tác để nâng mức lợi nhuận được chia hàng tháng từ 30.000.000 đồng/tháng/hệ lên 55.000.000 đồng/tháng/hệ. Tổng lợi nhuận được chia từ việc hợp tác là 1.636 triệu đồng
- Tổng chi phí lãi vay và khấu hao là: 1.980 triệu đồng. Chi phí quản lý là 102,6 triệu đồng.
- Lợi nhuận đạt 696 triệu đồng.

### **13. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn công ty:**

- Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: 52.692 triệu đồng; thu nhập từ việc bán thanh lý cây cà phê là 656 triệu. Tổng doanh thu kế hoạch là 53.348 triệu đồng.
- Tổng chi phí kế hoạch là **48.858 triệu đồng**, trong đó: chi phí giá vốn hàng bán là **41.120 triệu đồng**, chi phí quản lý **4.588 triệu đồng**, chi phí bán hàng là 268.98 triệu đồng, chi phí lãi vay 1.794.5 triệu đồng, chi phí khác (giá trị còn lại vườn cây) thanh lý 45 ha cà phê già cỗi kém năng suất là 1.086,6 triệu đồng.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là: 4.919,2 triệu đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế là **4.488,7 triệu đồng**.



- Nộp ngân sách: **379 triệu đồng** (Trong đó: nộp thuế TNCN 60 triệu đồng, nộp tiền thuê đất phi nông nghiệp 314 triệu đồng, tiền thuế sử dụng đất phi NN là 5 triệu đồng).

## PHẦN 2

**Kế hoạch thanh lý vườn cà phê già cỗi, kém năng suất;  
Chăm sóc và trồng mới các loại cây ngắn ngày, dài ngày năm 2024**

**1. Thanh lý diện tích 45,42 ha cà phê già cỗi kinh doanh kém hiệu quả:**

**- Vị trí thanh lý cụ thể như sau:**

Số TT	Đơn vị	Năm trồng	Diện tích (Ha)	Số Xuất khoán
<b>I</b>	<b>Vùng A1 - Đội 4</b>		<b>21,33</b>	<b>24</b>
1	Lô 7	1977	5,91	6
2	Lô 8	1977	4,50	5
3	Lô 9	1977	5,59	7
4	Lô 10	1977	5,33	6
<b>II</b>	<b>Khu B - Đội 5</b>		<b>24,09</b>	<b>26</b>
1	Lô 1	1985	1,71	2
2	Lô 2	1985	6,44	7
3	Lô 3	1985	2,26	3
4	Lô 4	1985	6,27	7
5	Lô 5	1985	7,41	7
	<b>Tổng</b>		<b>45,42</b>	<b>50</b>

- Sau khi trục nhổ cây cà phê Công ty thực hiện việc cải tạo đất để thay đổi ký chủ mầm bệnh trên đất bằng phương pháp trồng luân canh cây ngắn ngày để cho đất nghỉ từ 12-14 tháng.

- Thời gian trục nhổ cây cà phê: Từ tháng 03/2023 – tháng 06/2023.

- Giá bán thanh lý cà phê: 656.095.000 đồng. Chi phí gom đốt sau khi thanh lý: 68.130.000 đồng.

**2. Kế hoạch trồng tái canh 12,86 ha cây cà phê mới:**

- Tổng diện tích tái canh năm 2024: 12,86 ha

+ Vùng 83 đội 1: 5,54 ha

+ Vùng 81 đội 1: 4,62 ha

+ Vùng hồ lô 3: 2,70 ha

Diện tích trồng: 12,86 ha.

- Mật độ trồng: 3m x 3m, 1.111 cây/ha

- Chi phí đầu tư trồng mới 12,86 ha năm 2024 là 1.142 triệu đồng; Chi phí KTCB năm thứ nhất là: 461 triệu; Chi phí KTCB năm thứ 2 là: 633 triệu đồng.



Áp dụng quy trình tái canh cải tiến theo tiêu chuẩn RA để giảm chi phí, tăng hiệu quả và tỷ lệ thành công. Tái canh sẽ sử dụng giống cà phê của WASI.

*(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)*

### **3. Kế hoạch làm trái cây Mít Thái da xanh siêu sớm Đội 1 + Đội 2**

- Năm 2021 đã trồng được 10,18 ha tại Đơn vị đội 2 và 1,86ha tại Hồ lô 3 đội 1.

- Diện tích làm trái năm 2024 như sau: Đội 1: 1,86 ha = 900 cây. Đội 2: 6,4 ha = 2.151 cây. Tổng số cây làm trái là: 3.051 cây

- Tổng chi phí theo dự toán là: 259 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 43 triệu đồng.

- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 61 tấn. Bình quân 7,5 tấn/ha.

- Giá thành kế hoạch là 3.485 đồng/kg.

- Giá thành dự kiến bán 6.000 đồng/kg. Tổng doanh thu: 371 triệu đồng

- Lợi nhuận kế hoạch là: 112 triệu đồng

*(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)*

### **4. Kế hoạch chăm sóc sầu riêng đội 1 trong năm 2024**

- Vị trí trồng: Vùng 9,4ha đội 1. Trồng tháng 10/2022

- Diện tích đã trồng: 5,93 ha.

- Mật độ trồng: 132 cây/ha, kích thước 9m x 9m.

- Tổng chi phí đầu tư trồng mới trong năm 2022 là 584,5 triệu. Chi phí chăm sóc KTCB năm thứ nhất 2023 là: 212 triệu đồng, bình quân chi phí chăm sóc năm 2023 là: 35,7 triệu đồng/ha.

- Chi phí chăm sóc năm 2024 là: 275 triệu đồng, Bình quân chi phí chăm sóc 1 ha năm 2024 là: 46,4 triệu

*(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)*

### **5. Kế hoạch chăm sóc sầu riêng Vùng A1 đội 4 năm 2024**

- Vị trí trồng: Vùng A1 đội 4. Trồng tháng 9/2022

- Diện tích đã trồng: 18,58 ha.

- Mật độ trồng: 123 cây/ha, kích thước 9m x 9m.

- Tổng chi phí đầu tư trồng mới trong năm 2022 là 590 triệu đồng (trồng xen vào vườn Ớt Chỉ Thiên chánh phong 04F1). Chi phí chăm sóc KTCB năm thứ nhất 2023 là: 463 triệu đồng (Tiếp tục trồng xen cây khoai lang Nhật vào vườn sầu riêng 6 tháng cuối năm 2023), bình quân chi phí chăm sóc năm 2023 là: 24,9 triệu đồng/ha.

- Chi phí chăm sóc năm 2024 là: 926 triệu đồng, Bình quân chi phí chăm sóc 1 ha năm 2024 là: 51 triệu.

*(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)*

### **6. Kế hoạch trồng mới sầu riêng năm 2024**



- Vị trí trồng: Vùng 9.4 đội 1. Trồng tháng 6 năm 2024
- Diện tích: 4,07 ha
- Mật độ trồng: 123 cây/ha, kích thước 9m x 9m

- Tổng chi phí đầu tư trồng mới + chăm sóc và thiết kế hệ thống tưới năm 2024: 306 triệu, Bình quân chi phí năm 2024 là: 75 triệu (trong đó dự kiến hệ thống tưới từ 36 - 40 triệu/ha và khấu hao hàng năm)

(Đính kèm Quyết định số .../QĐ-EPC ngày 29/03/2024)

STT	LÔ - VÙNG	DIỆN TÍCH (HA)	TÊN CÂY TRỒNG	THỜI GIAN TRỒNG	THỜI GIAN THU HOẠCH
<b>I</b>	<b>Đơn vị đội 1</b>	<b>27,43</b>			
1	Vùng 81	4,62	Cây cà phê tái canh	Tháng 6&7/2024	
2	Vùng 9.4	4,07	Cây sầu riêng	Tháng 6&7/2024	
3	Vùng 83	5,54	Cây cà phê tái canh	Tháng 6&7/2024	
4	HL3	2,70	Cây cà phê tái canh	Tháng 5&6	
5	Vùng 9.4, Vùng 81, Vùng 83	10,50	Cây đậu lạc	Tháng 7&8/2024	Tháng 10&11/2024
<b>II</b>	<b>Đơn vị đội 3</b>	<b>95,67</b>			
1	Vùng 40	40,35	Cây đậu nành	Tháng 5/2024	Tháng 8/2024
2	Vùng 40	40,35	Cây đậu lạc	Tháng 8/2024	Tháng 11 & 12/2024
3	Lô 1 - Vùng Ealup	7,93	Cây đậu lạc	Tháng 8&9/2024	Tháng 12/2024
4	Lô 2, 3, 4 - Vùng Ealup	7,04	Cây bắp sinh khối	Tháng 9&10/2024	Tháng 12/2024
<b>III</b>	<b>Đơn vị đội 4</b>	<b>52,07</b>			
1	Lô 7, 8, 9, 10 - Vùng A1 thanh lý	21,33	Cây bắp hạt	Tháng 5/2024	Tháng 11 & 12/2024
2	Lô 2, 3, 5, 6 - Vùng A1 (sầu riêng)	8,10	Cây đậu nành	Tháng 5/2024	Tháng 8/2024
3	Lô 6 & 8, lô xếp - V 36	5,27	Cây đậu nành	Tháng 5/2024	T 08/2024
STT	LÔ - VÙNG	DIỆN TÍCH (HA)	TÊN CÂY TRỒNG	THỜI GIAN TRỒNG	THỜI GIAN THU HOẠCH
4	Lô 1 A2	0,50	Cây đậu nành	Tháng 5/2024	Tháng 08/2024
5	Lô 2,3,5,6 - Vùng A1 (sầu riêng)	8,10	Cây đậu lạc	Tháng 8/2024	Tháng 11 & 12/2024
6	Lô 6 & 8, lô xếp - Vùng 36	5,27	Cây đậu nành	Tháng 8/2024	Tháng 11 & 12/2024
7	Lô 1 - Vùng A2	0,50	Cây đậu lạc	Tháng 8/2024	Tháng 11 & 12/2024
8	Lô 5 - Vùng 36	3,00	Cây ớt sừng	Tháng 3&4/2024	Kết thúc - tháng 11 & 12/2024

IV	Đơn vị đội 5	55,02			
1	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu B tái canh cà phê	7,00	Cây đậu nành	Tháng 5/2024	Tháng 8/2024
2	Lô 10, 11, 12 - Vùng A3	6,22	Cây đậu nành	Tháng 5/2024	Tháng 8/2024
3	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu B đất thanh lý cà phê	21,83	Cây bắp hạt	Tháng 5/2024	Tháng 8 & 9/2024
4	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu B tái canh cà phê	7,00	Cây đậu lạc	Tháng 8/2024	Tháng 11 & 12/2024
5	Lô 10, 11, 12 - Vùng A3	6,22	Cây đậu lạc	Tháng 8/2024	Tháng 11 & 12/2024
6	Lô 14 - Vùng A1	5,74	Cây ớt chỉ thiên	Tháng 3/2024	Kết thúc - tháng 11 & 12/2024
7	Lô 7 vùng A2	1,01	Cây bắp hạt	Tháng 5/2024	Tháng 8/2024
	<b>Tổng cộng</b>	<b>230,19</b>			

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH HĐQT**

Ngô Văn Hùng